TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THÀNH** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/LĐ-ST
Ngày: 06-9-2017.
V/v:"T/c tiền lương,
bảo hiểm xã hội".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Ông Trần Văn Cư

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử công khai vụ án Lao động thụ lý số 480/2017/TLST- LĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc "*Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-LĐ ngày 19/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST – LĐ ngày 07/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Quang A, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã B, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần thép Q

Địa chỉ: Khu công nghiệp A, xã B, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dasagi A – Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh B

Địa chỉ: Số A, đường B, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Duy H – Chức vụ: Giám đốc bảo hiểm xã hội tỉnh B

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Hồng B, sinh năm 1977 – Chức vụ: Trưởng phòng khai thác và thu hồi nợ (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Đoàn Quang A trình bày:

- Ông làm việc tại Công ty cổ phần thép Q (gọi tắt là Công ty) vào tháng 7/2011, từ năm 2010 đến năm 2012 mỗi năm ông ký kết một hợp đồng lao động xác định thời hạn với Công ty. Ngày 04/02/2013 giữa ông và Công ty ký kết hợp đồng không xác định thời hạn, hàng năm có phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức lương. Vị trí công việc là nhân viên phòng kế hoạch với mức lương cơ bản là 7.000.000 đồng và các khoản phụ cấp kèm theo.

Ông A xác định hiện nay Công ty còn nợ ông 30% lương tháng 8, lương tháng 9 và tháng 10/2016 cụ thể 30% lương tháng 8/2016 là 1.801.290 đồng, lương tháng 9/2016 là 5.757.300 đồng và lương tháng 10/2016 là 5.467.600 đồng tổng cộng là 13.026.190 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty thanh toán 30% tiền lương tháng 8/2016, tháng 9/2016 và tháng 10/2016 với tổng số tiền là 13.026.190 đồng và yêu cầu Công ty đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông đến ngày 31/10/2016, sau đó trả sổ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Ý kiến của Đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh B trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án như sau:

Tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 Công ty cổ phần thép Q tiếp tục phát sinh nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 5.753.432.474 đồng; Lãi chậm nộp: 1.516.262.883 đồng. Tổng số nợ Bảo hiểm xã hội của Công ty cổ phần thép Q từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 là 7.269.695.357 đồng. Trong đó, số nợ Bảo hiểm xã hội của Công ty cổ phần thép Q đối với ông Đoàn Quang A là 35.036.446 đồng.

Bảo hiểm xã hội tỉnh B đã liên tục gửi thông báo, công văn nhắc nợ nhưng Công ty không thực hiện việc trả nợ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Bảo hiểm xã hội tỉnh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần thép Q đóng số tiền bảo hiểm xã hội còn nợ là 35.036.446 đồng để Bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm cho ông Đoàn Quang A.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành đã tiến hành triệu tập hợp lệ Công ty cổ phần thép Q để yêu cầu cung cấp chứng cứ, lấy lời khai và công khai chứng cứ, hòa giải nhưng Công ty cổ phần thép Q vẫn cố tình vắng mặt. Theo kết quả xác minh tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì Công ty cổ phần thép Q có địa chỉ trụ sở chính tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1,Conac, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giấy chứng nhận đầu tư số 492033000096 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 10/3/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/7/2014. Theo giấy chứng nhận đầu tư, người đại diện hợp pháp của Công ty là ông Dasagi A – chức vụ Tổng giám đốc. Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thụ lý bổ sung, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ cũng như thông báo các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty bằng cách niêm yết công khai tại trụ sở Công ty, tại trụ sở UBND xã Mỹ Xuân và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng Công ty cổ phần thép Q vẫn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có yêu cầu phản tố để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thanh toán 30% lương tháng 8, lương tháng 9 và tháng 10/2016 của nguyên đơn đối với Công ty cổ phần thép Q.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016.

Về án phí: buộc Công ty cổ phần thép Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần thép Q thanh toán tiền lương còn nợ và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, nên tranh chấp giữa các bên được xác định là "Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội". Công ty cổ phần thép Q có trụ sở chính tại Khu công nghiệp A, xã B, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tranh chấp giữa các bên đã được hòa giải nhưng không thành nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty cổ phần thép Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt Công ty cổ phần thép Q theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng lao động đã ký kết giữa ông Đoàn Quang A và Công ty cổ phần thép Q thấy:

Về hình thức và thẩm quyền giao kết hợp đồng: Ông An giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần thép Q thông qua người đại diện là ông Kamal Khalil Asad Ali – Chức vụ Giám đốc nhân sự, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật lao động.

Công ty cổ phần thép Q là người có nghĩa vụ chứng minh việc ông Kamal Khalil Asad Ali – Chức vụ Giám đốc nhân sự có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động với người lao động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên cho đến nay Công ty không cung cấp chứng cứ phản bác đến Tòa án nên Hội đồng xét xử xác định ông Kamal Khalil Asad Ali – Chức vụ giám đốc nhân sự là người có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động của Công ty cổ phần thép Quatron, theo điểm g, khoản 3, Điều 157 Luật doanh nghiệp.

Căn cứ các Điều 15, 16, 22 và Điều 25 Bộ luật lao động, Điều 1 của các Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông A và Công ty cổ phần thép Q, Hội đồng xét xử xác định việc giao kết hợp đồng lao động giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

Về nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng: Theo nội dung hợp đồng lao động đã ký kết giữa các bên thể hiện thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 7 (không tính chủ nhật), tháng làm việc được tính từ ngày 21 tháng này đến ngày 20 tháng sau, việc trả lương theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân thông qua hệ thống ngân hàng và lương được trả vào ngày 05 mỗi tháng, ngoài mức lương cơ bản thì các khoản thưởng và phụ cấp khác sẽ được tính toán dựa theo ngày công thực tế và tình hình công việc cụ thể hàng tháng được giao.

Quá trình thực hiện hợp đồng của ông A đã thực hiện đầy đủ nội dung và yêu cầu công việc theo hợp đồng lao động đã ký kết.

Theo trình bày của nguyên đơn trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty đến khoảng giữa năm 2016, Công ty lâm vào tình trạng khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên chậm trả lương cho người lao động. Từ tháng 9/2016 đến tháng 10/2016 Công ty cổ phần thép Q vẫn duy trì hoạt động sản xuất nhưng nợ lương người lao động. Cụ thể: Đối với nhân viên văn phòng thì Công ty nợ 30% lương tháng 8/2016, 100% lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016. Ngày 12/11/2016, Công ty bị cắt điện do nợ tiền điện. Đến ngày 14/11/2016, Công ty chính thức ngừng hoạt động nên người lao động không đi làm.

Đối chiếu với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì có cơ sở xác định: Công ty cổ phần thép Q nợ tiền điện nên Điện lực Tân Thành đã có thông báo ngừng cung cấp điện vào ngày 12/11/2016, khi ngừng cung cấp điện thì người lao động không có đủ điều kiện làm việc nên từ ngày 14/11/2016 toàn bộ người lao động của Công ty đã nghỉ việc. Như vậy có căn cứ để xác định Công ty cổ phần thép Q đã chính thức ngừng hoạt động từ ngày 14/11/2016. Việc ngừng hoạt động của Công ty không được Ban giám đốc Công ty thông báo đến người lao động và các cơ quan chức năng có thẩm quyền, cho nên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bô luật lao động.

Tại các bản sao kê tài khoản cá nhân tại Ngân hàng của ông A cung cấp và đối chiếu với các chứng từ kế toán mà Tòa án thu thập tại phòng kế toán của Công ty cũng như biên bản lấy lời khai của bà Bùi Thị Thanh là nhân viên kế toán của Công ty thì xác định được: Công ty cổ phần thép Q hiện nay còn nợ ông An 30% lương tháng 8/2016, 100% lương tháng 9/2016, tháng 10/2016.

Như vậy phía Công ty cổ phần thép Q đã vi phạm nghĩa vụ "bảo đảm việc làm, thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng, cụ thể lương của người lao động được chuyển vào tài khoản cá nhân vào ngày 5 mỗi tháng", được quy định tại Điều 3, Điều 4 các hợp đồng lao động, Điều 96 Bộ luật lao động, Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ - CP ngày 12 tháng 01 năm 2015. Đồng thời lỗi dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông An và Công ty thép Quatron là hoàn toàn thuộc về Công ty thép Quatron.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động đã ký kết giữa ông Đoàn Quang A với Công ty cổ phần thép Q kể từ ngày 31/10/2016.

Đối với yêu cầu về thanh toán tiền lương của ông Đoàn Quang A thì thấy:

Xét yêu cầu thanh toán 30% lương tháng 8/2016: Tại các bản sao kê tài khoản cá nhân của Ngân hàng do ông A cung cấp và đối chiếu với bản chính Bảng chuyển lương ngân hàng cho nhân viên Việt Nam tháng 8/2016 của Công ty cổ phần thép Q do ông Kamal Khalil Asad Ali – Chức vụ giám đốc nhân sự ký tên xác nhận thì có cơ sở để khẳng định ông A đến nay vẫn chưa nhận được 30% lương tháng 8/2016 cụ thể Công ty nợ 30% lương tháng 8/2016 của ông Đoàn Quang A là 1.801.290 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán lương tháng 9, tháng 10/2016: Trong quá trình giải quyết vụ án ông A đã cung cấp các phiếu lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 mặc dù các phiếu lương này là bản phô tô, không có chữ ký của đại diện Công ty, không có mộc dấu của Công ty. Tuy nhiên đối chiếu với bản chính Bảng chuyển lương ngân hàng cho nhân viên Việt Nam tháng 9/2016 do bộ phận kế toán Công ty lập và có chữ ký của ông Kamal Khalil Asad Ali xác định lương tháng 9/2016 mà ông An yêu cầu Công ty cổ phần thép Q thanh toán là trùng khớp với nhau. Đối với yêu cầu thanh toán lương tháng 10/2016 mặc dù Tòa án không thu thập được bản chính Bảng chuyển lương ngân hàng cho nhân viên Việt Nam tháng 10/2016 nhưng căn cứ vào các phiếu lương mà nguyên đơn cung cấp cũng như qua xác nhận của ông An, bộ phận kế toán của Công ty thì vào cuối mỗi tháng toàn bộ nhân viên và người lao động của Công ty đều nhận được phiếu lương do phòng nhân sự cung cấp để thông báo cụ thể ngày công, tiền lương, tiền làm thêm giờ, các khoản phụ cấp và số tiền cụ thể trích đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động của Công ty, các phiếu lương từ trước đến nay người lao động được nhận đều là bản phô tô, không có chữ ký, không có mộc dấu của Công ty nhưng các phiếu lương này đều được người lao động thừa nhận với nhau phù hợp với sự xác nhận của bộ phận kế toán Công ty, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông An về tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016.

Từ những nhận định trên và căn cứ vào Điều 37, Điều 90, Điều 96 Bô luật lao động, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang A về thanh toán tiền lương. Buộc Công ty cổ phần thép Q thanh toán tiền lương cho ông Đoàn Quang A cụ thể như sau: 30% lương tháng 8/2016 là 1.801.290 đồng + lương tháng 9/2016 là 5.757.300 đồng + lương tháng 10/2016 là 5.467.600 đồng = 13.026.190 đồng

Xét yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của ông A thì thấy:

Theo các chứng cứ của Bảo hiểm xã hội tỉnh B cung cấp và xác nhận của người lao động thì hiện nay Công ty cổ phần thép Q còn nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động từ tháng 01/2014 đến ngày 31/10/2016. Tuy nhiên ngày 29/5/2015 Tòa án nhân dân huyện Tân Thành đã ban hành quyết định số 18/2015/QĐST – LĐ với nội dung Công ty cổ phần thép Q có nghĩa vụ nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh B số tiền 8.150.610.189 đồng, được chốt đến ngày 30/4/2015 trong đó có các nguyên đơn trong vụ án này. Hiện nay Công ty cổ phần thép Q tiếp tục phát sinh nợ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 của ông An là 35.036.446 đồng.

Căn cứ theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động thì hàng tháng Công ty cổ phần thép Q đã thu quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của ông A

nhưng không nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh B. Như vậy, Công ty cổ phần thép Q đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng về trách nhiệm nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động và vi phạm Điều 17, Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp ông A cũng như quyền lợi của Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh B, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A đối với Công ty cổ phần thép Q về việc buộc Công ty cổ phần thép Q phải đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông A từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc Công ty cổ phần thép Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm về tranh chấp tiền lương với số tiền 13.026.190 đồng x 3% = 390.000đ (Ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Công ty cổ phần thép Q phải nộp án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu về đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội của các nguyên đơn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 36, Điều 37, Điều 90 Bộ luật lao động; Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Quang A về "Tranh chấp tiền lương, bảo hiểm xã hội" đối với Công ty cổ phần thép Q.

- Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số Q00649 - 2013 ngày 04/02/2013 được ký kết giữa ông Đoàn Quang A với Công ty cổ phần thép Q kể từ ngày 31/10/2016. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải thanh toán cho ông Đoàn Quang A 30% tiền lương tháng 8/2016, tiền lương tháng 9/2016 và tháng 10/2016 là 13.026.190đ (Mười ba triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thi hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Đoàn Quang A từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016;

3. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải chốt sổ bảo hiểm xã hội từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Đoàn Quang A từ ngày 01/5/2015 đến ngày 31/10/2016.

5. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần thép Q phải nộp 690.000đ (Sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Thái